

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHI LĂNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10/7/2020
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Quang Vinh.

2. Bà Vy Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXX-ST ngày 22 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị N, sinh năm 1989; cư trú tại: Thôn P, xã Vạn Linh, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Hà Văn P, sinh năm 1985; cư trú tại: Thôn P, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Ông Hà Văn P1, sinh năm 1964; cư trú tại: Thôn P, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nông Thị N trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi cho theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 04 tháng 3 năm 2010. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 06 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là anh P sử dụng ma túy,

không tu chí làm ăn, không lo toan gia đình con cái, thậm trí anh P còn lấy tài sản trong gia đình đem đi bán, chị và gia đình đã khuyên bảo anh P nhiều lần nhưng anh P không nghe nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Từ tháng 8 năm 2018 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn, anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh Hà Văn P.

Về con chung: Anh chị có hai con chung, cháu Hà Hải T và cháu Hà Hải Đ, cùng sinh ngày 26 tháng 8 năm 2012, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu anh Hà Văn P cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay ba mẹ con chị đang ở trên đất nhà ngoại tại thôn B, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và các cháu đang học lớp 2 tại trường tiểu học xã B, từ trước đến nay chị là người trực tiếp nuôi dưỡng và đảm bảo được điều kiện nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản, không nợ ai và không cho ai vay nợ.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hà Văn P trình bày: Quá trình tìm hiểu rồi đi đến kết hôn như chị Nông Thị N trình bày là đúng. Anh thừa nhận cuộc sống chung của vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chơi bời và sử dụng ma túy, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình con cái, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh mong chị N suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có hai con chung như chị N trình bày, nếu phải ly hôn anh đồng ý để chị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục hai con và anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có như chị Nông Thị N trình bày.

Tại biên bản lấy lời khai ông Hà Văn P1 trình bày: Ông là bố đẻ của anh Hà Văn P, anh P và chị N đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P sử dụng ma túy, không quan tâm đến gia đình con cái, nay chị N yêu cầu ly hôn ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Toà án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn xác định được: Anh Hà Văn P có nơi cư trú tại Thôn P, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng chị Nông Thị N và anh Hà Văn P là do anh P sử dụng ma túy, không tu chí làm ăn, không lo toan gia đình con cái. Các văn bản Tố tụng của Toà án bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử của Toà án đã được Ủy ban nhân dân xã tổng đạt cho anh Hà Văn P đúng thời gian quy định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Không có kiến nghị gì về thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị N xử cho chị Nông Thị N ly hôn với anh Hà Văn P và chị Nông Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Hà Hải T và cháu Hà Hải Đ, cùng

sinh ngày 26 tháng 8 năm 2012. Anh Hà Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Chị Nông Thị N đã giao nộp chứng cứ cho Toà án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn; giấy tờ tùy thân; trích lục khai sinh con chung, đơn xin xác nhận. Anh Hà Văn P giao nộp cho Tòa án bản tự khai ngày 18 tháng 6 năm 2020.

Về tình tiết của vụ án, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất: Chị Nông Thị N và anh Hà Văn P thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con và về tài sản chung. Các đương sự không thống nhất được về quan hệ hôn nhân cụ thể: Chị Nông Thị N yêu cầu được ly hôn; anh Hà Văn P không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Hà Văn P, người làm chứng ông Hà Văn P1, tuy nhiên anh Hà Văn P có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Hà Văn P1 đã có lời khai trong hồ sơ. Kiểm sát viên, nguyên đơn không có ý kiến gì về sự vắng mặt của người làm chứng và yêu cầu phiên tòa được tiếp tục. Xét thấy việc vắng mặt của bị đơn, người làm chứng không gây ảnh hưởng cho việc xét xử, nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị N và anh Hà Văn P kết hôn năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, không vi phạm các hành vi cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên hôn nhân là hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung của vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh Hà Văn P nghiện ma túy, anh chị đã không còn sống chung từ tháng 8 năm 2018 đến nay, việc này đã được anh chị xác nhận và phù hợp với lời khai của ông Hà Văn P1 là người làm chứng, phù hợp với kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Nông Thị N và anh Hà Văn P đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nông Thị N yêu cầu ly hôn với anh Hà Văn P là có căn cứ, cần được chấp nhận. Việc anh P yêu cầu đoàn tụ vợ chồng để nuôi dạy con cái là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nông Thị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Hải T và cháu Hà Hải Đ. Anh Hà Văn P đồng ý yêu cầu của chị N nên cần giao các con chung cho chị N nuôi dưỡng, giáo dục vì không trái pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Hà Hải T và cháu Hà Hải Đ.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về án phí: Chị Nông Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 299 khoản 4 Điều 147 các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị N. Xử cho chị Nông Thị N được ly hôn với anh Hà Văn P.

2. Về con chung: Chị Nông Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Hải T và cháu Hà Hải Đ, cùng sinh ngày 26 tháng 8 năm 2012, từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Hà Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Nông Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Nông Thị N đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000326 ngày 03/3/2020.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng;
- CCTHADS huyện Chi Lăng;
- UBND xã V;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hương Giang

